

CHIẾU CẦU HIỀN

(*Cầu hiền chiếu* – NGÔ THÌ NHẬM)

I – BÀI TẬP

1. Câu hỏi 1, sách giáo khoa, trang 88.
2. Khi Quang Trung dựng lên triều đại mới, một số sĩ phu Bắc Hà đã ứng xử ra sao ? Viết đoạn 2, tác giả nhằm mục đích gì ?
3. Câu hỏi 4, sách giáo khoa, trang 89.
4. Mối quan hệ giữa hiền tài với thiên tử và ý nghĩa của chúng trong bài chiếu.
5. Cho biết đặc điểm của thể *chiếu* nói chung và bài *Chiếu cầu hiền* nói riêng.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Bài *Chiếu cầu hiền* ra đời trong hoàn cảnh :

– Năm 1786, Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc dẹp chúa Trịnh, ổn định lại kỉ cương đổ nát ở Bắc Hà. Cũng năm đó, Lê Cảnh Hưng qua đời, cháu đích tôn của ông lên ngôi lấy niên hiệu là Chiêu Thống.

– Trước sức mạnh của phong trào Tây Sơn, Lê Chiêu Thống cầu cứu quân Thanh. Nhân cơ hội này, Tôn Sĩ Nghị đem quân vào xâm lược nước ta.

– Tháng 12 năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung đem quân ra Bắc đánh tan quân Thanh, giải phóng đất nước. Lê Chiêu Thống bỏ nước chạy theo Tôn Sĩ Nghị sang Trung Quốc.

Nguyễn Huệ một lần nữa phải xếp đặt lại kỉ cương Bắc Hà. Để tìm được người hiền tài ra giúp triều đại mình trong buổi đầu, Nguyễn Huệ giao cho Ngô Thì Nhậm viết bài *Chiếu cầu hiền*.

2. Khi Nguyễn Huệ dựng lên triều đại mới – triều Quang Trung, nho sĩ Bắc Hà có các cách ứng xử như sau :

- Một số người bỏ đi ở ẩn.
- Một số người trốn tránh giấu mình.
- Những người đã ra làm quan thì sợ hãi, hoặc im lặng như bù nhìn "kiêng dè không dám lên tiếng", hoặc làm việc cầm chừng như "kẻ gõ mõ canh cửa".
- Một số người lại đi tự tử, "ra biển vào sông".

Tóm lại, nhìn chung đa số nho sĩ Bắc Hà không đem tài năng phò tá vương triều Tây Sơn.

Tuy nhiên, tác giả không nói thẳng ra những điều đó bằng ngôn ngữ trực tiếp, mà dùng hình ảnh hoặc lấy trong kinh điển nho gia, hoặc mang ý nghĩa tượng trưng (*gõ mõ canh cửa, ra biển vào sông, chết đuối trên cạn,...*). Cách diễn đạt như vậy vừa ý nhị, có tính chất châm biếm nhẹ nhàng, vừa tỏ ra người viết bài *chiếu* có kiến thức sâu rộng, có tài văn chương, khiến người nghe không những không tự ái mà còn nể trọng và tự cười về thái độ ứng xử chưa đúng của chính mình.

Đoạn 2 tác giả viết ra nhằm mục đích thuyết phục nho sĩ Bắc Hà hợp tác và phò tá triều Tây Sơn một cách thành tâm, nhiệt huyết để gánh vác công việc quốc gia. Vì thế, sau khi chỉ ra thực tế về cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà, người viết đặt câu hỏi theo "thế lưỡng đao", khiến người nghe không thể không thay đổi cách ứng xử. Bởi vì, hoặc là coi Nguyễn Huệ "ít đức", không xứng để phò tá ; hoặc coi bây giờ đang "thời đổ nát". Hai điều này đều không đúng với thực tế bấy giờ. Vậy thì chỉ còn một con đường là phải ra phò tá và phò tá hết lòng cho triều đại mới.

3. Con đường cầu hiền của Nguyễn Huệ hết sức rộng mở, ai cũng có thể làm được.

- Trước hết, tất cả mọi tầng lớp từ quan liêu lớn nhỏ đến thứ dân trăm họ đều được phép "dâng số tâu bày" công việc.

- Việc tiến cử cũng rộng mở và dễ làm, gồm ba cách : tự mình dâng số tâu bày, các quan văn võ tiến cử, "dâng số tự tấu cử".

- Cuối cùng, tác giả kêu gọi mọi người có tài đức hãy cùng triều đình gánh vác việc nước và hưởng phúc lâu dài.

Tóm lại, các biện pháp cầu hiền của vua Quang Trung vừa cụ thể, vừa dễ thực hiện.

4. Nội dung đoạn 1 tác giả đặt ra vấn đề mối quan hệ giữa *hiền tài* với *thiên tử*. Người hiền như sứ giả của thiên tử phải do thiên tử sử dụng. Không làm như vậy là trái với đạo trời, trái với quy luật cuộc sống. Để làm rõ vấn đề, tác giả dùng

phương pháp so sánh, ví người hiền "như sao sáng trên trời", thiên tử là sao Bắc Thần. Quy luật vận động của vũ trụ là tinh tú châu về Bắc Thần, còn quy luật của con người là "người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử" để thiên tử sai khiến, sử dụng. Hình ảnh so sánh này được tác giả lấy từ lời Khổng Tử trong sách *Luận ngữ*: "Vi chính dĩ đức, thí như Bắc Thần, cư kì sở, chúng tinh cùng chi" nghĩa là, dùng đức để cai trị đất nước cũng giống như sao Bắc Thần đứng đúng vị trí của mình mà các sao khác phải châu về. Mở đầu bài chiếu bằng lời Khổng Tử có sức thuyết phục mạnh mẽ sĩ phu Bắc Hà, bởi các sĩ phu Bắc Hà vốn am hiểu kinh điển nho gia nên nghe đến là hiểu ngay. Hơn nữa, trong lòng họ, Khổng Tử là một vị thánh. Lời Khổng Tử là chân lí, ai cũng tin và tuân theo.

Nêu mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử, tác giả đặt ra vấn đề vận mệnh đất nước và trách nhiệm của bậc hiền tài.

5. *Chiếu* là loại công văn thời xưa nhà vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho bề tôi hoặc chỉ thị cho mọi người. Văn của thể *chiếu* trang trọng, lời lẽ rõ ràng, tao nhã. Nhiều bài chiếu mang nội dung nghị luận, bàn bạc những vấn đề quan hệ đến vận mệnh quốc gia. Có khi *chiếu* được gọi là *chiếu thư*, *chiếu chỉ* và thường mang nội dung là những mệnh lệnh. Văn học trung đại Việt Nam có những bài chiếu nổi tiếng như *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn, *Chiếu để lại trước khi chết (Di chiếu)* của Lí Nhân Tông, *Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm, *Chiếu Cần vương* của Hàm Nghi,...

Chiếu nói chung, *Chiếu cầu hiền* nói riêng thuộc loại văn nghị luận chính trị – xã hội. Mặc dù là loại công văn nhà nước, nhưng đối tượng bài *Chiếu cầu hiền* là bậc hiền tài – những nho sĩ mang nặng tư tưởng nho gia – nên lời lẽ mềm mỏng, nhún nhường, thành tâm và mang tính chất thuyết phục cao.